

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/5/2020

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2/ Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

Thư ký phiên tòa: ông Ngô Thanh Thuận-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thúy: Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX- ST ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:Ngô Thị N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Đông Lỗ, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang- (Xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*:Anh Đỗ Duy K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Tân Sơn, xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang- (Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 05/3/2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn (chị Ngô Thị N) trình bày:

Chị và anh Đỗ Duy K có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Bái năm 1998. Nhưng do thời gian đã lâu nên không còn giữ được giấy đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh Khuê làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2001 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, anh chị em động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm

gì với anh Khuê, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh Khuê, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Khuê.

- Về con chung: Chị Nhung xác định vợ chồng có 01 con chung là: Đỗ Thị Huyền, sinh ngày 14/8/1999 đã trưởng thành và đi làm việc nên không có đề nghị gì.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị Nhung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc nên không thể tham dự phiên tòa được nên chị đề nghị xin vắng mặt trong tất cả các phiên tòa.

Bị đơn: Là anh (Đỗ Duy K) tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trình bày:

Anh và chị Ngô Thị N có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoan Bái năm 1998. Nhưng do thời gian dài lâu không còn giữ được giấy đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị Nhung về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2001 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, anh chị em động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, vì vậy chị Nhung làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Nhung.

- Về con chung: Anh Khuê xác định vợ chồng có 01 con chung là: Đỗ Thị Huyền, sinh ngày 14/8/1999 đã trưởng thành và đi làm việc nên không có đề nghị gì.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh Khuê không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc nên không thể tham dự phiên tòa được nên anh đề nghị xin vắng mặt trong tất cả các phiên tòa.

Tại Biên bản xác minh tại UBND xã Đoan Bái ngày 22/4/2020 và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 18/02/2020 do UBND xã Đoan Bái cung cấp thể hiện chị Ngô Thị N và anh Đỗ Duy K không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoan Bái, chị Nhung và anh Khuê chung sống như vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật. Việc chị Nhung và anh Khuê có đơn xin vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định tại khoản 1 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 14, Điều 15 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị N và anh Đỗ Duy K.

Về con chung: Xác nhận cháu Đỗ Thị Huyền, sinh ngày 14/8/1999 là con chung của chị Nhung và anh Khuê, hiện chị Huyền đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003753 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nhung đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020 của chị Ngô Thị N được xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Ngô Thị N (nguyên đơn); Anh Đỗ Duy K (là bị đơn) trong quá trình làm việc tại tòa án đã có đơn xin được xét xử vắng mặt hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị N và anh Đỗ Duy K đều trình bày có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Bái theo quy định của pháp luật, tuy nhiên trong quá trình làm việc tại tòa án không ai cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và căn cứ chứng minh. Qua xác minh tại UBND xã Đoàn Bái cung cấp thể hiện chị Ngô Thị N và anh Đỗ Duy K không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Bái theo quy định, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thể hiện chị Nhung và anh Khuê chung sống như vợ chồng, nên xác định chị Nhung và anh Khuê chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Nhung thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của anh Khuê được biết: Quá trình chị Nhung và anh Khuê sống chung hai bên phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn cũng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2001 đến nay và đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị Nhung có đơn xin ly hôn và anh Khuê đồng ý ly hôn điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, theo Điều 14 của Luật hôn và gia đình;

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 19/6/2000 của Quốc Hội và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì quan hệ giữa chị Nhung và anh Khuê không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị Nhung có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nhung được ly hôn anh Khuê, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Ngô Thị N và anh Đỗ Duy K là vợ chồng.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Cả chị Nhung và anh Khuê đều xác định vợ chồng có một con chung là Đỗ Thị Huyền, sinh ngày 14/8/1999 đã trưởng thành và đi làm việc và không có đề nghị gì cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].4. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị Nhung và anh Khuê đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].5. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 14, Điều 15 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị N và anh Đỗ Duy K.

Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003753 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nhung đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mai Đình;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Ngọc Chung